

BẢNG TỔNG HỢP SỐ BỔ SUNG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
Tính đến ngày 06/07/2026

(Kèm theo Tờ trình số/TTr-KTHTĐT ngày/...../2026 của phòng kinh tế, Hạ tầng và Đô thị)

Đơn vị tính: đồng

STT	Số Văn bản/Quyết định của UBND tỉnh	Ngày/tháng/năm	Nội dung	Tổng số kinh phí bổ sung	Nguồn bổ sung khác	Nguồn dự phòng	Ghi chú
A	B	C	D	1=2+3	2	3	5
	Tổng cộng			59.835.009.301	55.182.564.196	4.652.445.105	
1	QĐ số 250/QĐ-UBND	21/01/2026	Kinh phí thực hiện các chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng đợt 1 năm 2026	13.360.800.000	13.360.800.000		Chi đảm bảo xã hội theo NQ số 50/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh
2	QĐ số 282/QĐ-UBND	22/01/2026	Kinh phí thực hiện chuyển giao Trạm Y tế xã, phường thuộc Trung tâm Y tế khu vực về trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý năm 2026	7.895.000.000	7.895.000.000		
3	QĐ số 346/QĐ-UBND	26/01/2026	Kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ Tết Nguyên đán trên địa bàn xã Trăng Bom theo Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai	2.807.520.000	2.807.520.000		
4	QĐ số 546/QĐ-UBND	09/02/2026	Kinh phí để thực hiện nhiệm vụ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn xã Trăng Bom	2.737.088.975	2.737.088.975		QĐ số 546/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 là 3.238.988.040 đồng và Thu hồi kinh phí cho các xã, phường để phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 47/QĐ-STC ngày 04/06/2026 của STC là 501.899.065 đồng (Văn bản số 2017/STC-NSNN ngày 08/06/2026)
5	QĐ số 103/QĐ-UBND	12/05/2026	Kinh phí thực hiện Đề án Duy tu, sửa chữa, đảm bảo hạ tầng giao thông, kiến thiết thị chính tại các xã, phường trên địa bàn thành phố Đồng Nai giai đoạn 2025-2027 tại Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh	3.902.000.000	3.902.000.000		

STT	Số Văn bản/Quyết định của UBND tỉnh	Ngày/tháng/năm	Nội dung	Tổng số kinh phí bổ sung	Nguồn bổ sung khác	Nguồn dự phòng	Ghi chú
6	QĐ số 104/QĐ-UBND	12/05/2026	Kinh phí thực hiện Đề án duy tu, sửa chữa, đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị trường học tại các xã, phường trên địa bàn thành phố Đồng Nai giai đoạn 2025-2027 tại Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh	6.098.000.000	6.098.000.000		
7	QĐ số 473/QĐ-UBND	29/05/2026	KP chi trả chế độ cho Tiểu đội, trung đội dân quân thường trực tại các khu công nghiệp được bàn giao về các địa phương	4.485.513.600	4.485.513.600		
8	QĐ số 531/QĐ-UBND	01/06/2026	Kinh phí tổ chức các hoạt động thành lập phường theo Nghị quyết số 237/NQ-UBTVQH16 ngày 14/4/2026 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội cho ngân sách cấp xã năm 2026 trên địa bàn thành phố Đồng Nai	480.000.000		480.000.000	
10			Kinh phí công trình phúc lợi hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo QĐ 1767/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 và QĐ 3379/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	4.000.000.000	4.000.000.000		
11			Kinh phí để thực hiện quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ, các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố được giao cho UBND các xã, phường quản lý	442.000.000	442.000.000		
12			Bổ sung kinh phí cho các phường, xã còn thiếu so với dự toán giao đầu năm 2026	7.981.000.000	7.981.000.000		
13			Kinh phí thực hiện chương trình y tế dân số đối với các trạm y tế cấp xã	210.000.000		210.000.000	
14	QĐ số 794/QĐ-UBND	12/06/2026	Kinh phí thực hiện quản lý và xử lý nghiệp vụ đối với hồ sơ tài liệu đã được thống kê của các cơ quan, tổ chức trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy theo Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (lần 2)	3.962.445.105		3.962.445.105	
15	QĐ số 861/QĐ-UBND	16/06/2026	Kinh phí cho các địa phương thực hiện chi chế độ chính sách cho người có công với cách mạng đợt 2 năm 2026	882.641.621	882.641.621		
16	QĐ số 1398/QĐ-UBND	03/07/2026	Kinh phí cho UBND phường để thực hiện chi các chế độ chính sách đối với người có công với cách mạng năm 2026	591.000.000	591.000.000		

281.830.009.301

281.830.009.301